

Số: 4432/QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở và cơ cấu kinh phí đầu tư hợp phần 2
thuộc Dự án Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An
do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật số 38/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 về Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 1929/QĐ-BNN-TCTL ngày 14/8/2012 phê duyệt Dự án đầu tư; số 2854/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/12/2013 phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở hợp phần 2 thuộc Dự án đầu tư Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ;

Xét các Tờ trình của Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam số 1161/TTr-VKHTLVN ngày 24/9/2014; Tờ trình của Ban CPO số 1756/TTr-CPO-JICA2 ngày 26/9/2014 về việc xin phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở và cơ cấu kinh phí đầu tư Hợp phần 2 - Tăng cường năng lực quản lý thủy lợi và cơ sở đào tạo của Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam thuộc Dự án Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An, kèm theo các văn bản số 4030/VP-QHXDGT ngày 6/8/2013 của UBND Thành phố Hà Nội cho phép triển khai lập dự án, số 310/GPQH ngày 03/12/2013 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội cấp Giấy phép quy hoạch và số 2684/QHKT-P5 ngày 10/7/2014 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ cho Dự án;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở và cơ cấu kinh phí đầu tư hợp phần 2 thuộc Dự án Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên hợp phần 2: Tăng cường năng lực quản lý thủy lợi và cơ sở đào tạo của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

3. Vị trí xây dựng: Nằm trong khuôn viên 25 ha của Khu thí nghiệm nghiên cứu mô hình sông biển và công nghệ cao thủy lợi thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, cách vị trí cũ 160 m về phía tây bắc.

- Phía bắc và phía tây giáp với khu tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Phía Đông giáp với tuyến đường quy hoạch và khu vực cây xanh.

- Phía Nam giáp với tuyến đường cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình.

4. Nội dung đầu tư: Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Diện tích đất xây dựng dự án: 4,12 ha

- Mật độ xây dựng: 23 %

- Chiều cao tầng tối đa: 4 tầng

4.1. Các công trình chính: Gồm các hạng mục, cụ thể:

- Khu thí nghiệm trong nhà: Diện tích sàn xây dựng 4.230m², công trình cao 1 tầng, lắp đặt hệ thống cấp và thoát nước thí nghiệm liên hoàn công suất lớn phục vụ các thí nghiệm phức tạp.

- Khu giảng đường cho 400 học viên: Gồm 3 khối nhà hình chữ U, 18 phòng học; Hai khối hai bên cao 3 tầng, khối giữa cao 4 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng 6.324 m², bao gồm: tầng hầm có chức năng gara, phụ trợ với diện tích sàn xây dựng 962 m² và tầng 01-04 có chức năng giảng đường với diện tích sàn xây dựng 5.362 m².

- Ký túc xá và nhà ăn: Gồm 2 khối nhà cao 3 tầng, tum và khối nhà ăn 1 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 4.782 m². Hai khối nhà 3 tầng cung cấp chỗ ở cho 254 sinh viên nội trú. Nhà ăn được bố trí trong khối nhà 1 tầng liền kề ký túc xá.

- Nhà làm việc và hội trường: Khối nhà làm việc cao 4 tầng và khối hội trường cao 3 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 6.970 m², bao gồm: một tầng hầm có chức năng gara, phụ trợ với diện tích sàn xây dựng 1.860 m² và các tầng 01 - 04 có chức năng nhà làm việc, hội trường với diện tích sàn xây dựng 5.110 m².

- Khu thí nghiệm ngoài trời diện tích sàn xây dựng 5.000m²: Nhà khung thép, mái lợp tole sơn tĩnh điện, móng BTCT, tường bao che xây cao 1,2 m.

- Mô hình thí nghiệm SCADA.

- Kết cấu các khu nhà 3 tầng đến 4 tầng: Nhà cấp III, dạng nhà khung BTCT M200 chịu lực tường xây gạch, móng cọc BTCT. Hệ thống kỹ thuật gồm: PCCC, điện, nước cấp, nước thải, hệ thống điện thoại, mạng Internet.

4.2. Các công trình phụ trợ

- Đường giao thông: Xây dựng 6 tuyến đường giao thông nội bộ, dài 1,307 km, nền đường rộng từ 8 - 14 m, mặt đường rộng 6- 10 m theo tiêu chuẩn A1, kết cấu bê tông nhựa, phía dưới là lớp cấp phối đá dăm.

- Xây dựng các hệ thống cấp, thoát nước đồng bộ.

- Xây dựng lưới hạ thế 0,4kV và hệ thống chiếu sáng.

- Lắp đặt 02 trạm biến áp hạ thế (công suất 320 KVA-400KVA) và 1 máy phát điện dự phòng (công suất 160 KVA-200KVA).

4.3. Các thiết bị thí nghiệm

- Nhóm thiết bị nghiên cứu hiện đại hóa tưới, dự báo, quan trắc, giải pháp phòng chống thiên tai và BDKH.

- Nhóm thiết bị nghiên cứu thủy điện nhỏ và năng lượng tái tạo.

- Nhóm thiết bị nghiên cứu tự động hóa điều khiển hệ thống thủy lợi.

- Nhóm thiết bị nghiên cứu thủy lực, nâng cao hiệu quả và tuổi thọ công trình, an toàn hồ đập, bảo vệ bờ, đê sông, đê biển..

- Nhóm thiết bị nghiên cứu về xây dựng cơ sở nghiên cứu thiết bị thủy lợi.

- Nhóm thiết bị SCADA.

5. Kinh phí đầu tư hợp phần 2:

Tổng kinh phí đầu tư hợp phần 2 là: **499.873.791.000 đồng**

(Bốn trăm chín mươi chín tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi một ngàn đồng)

Trong đó:

- Vốn vay JICA: 438.556.376.000 đồng.

- Vốn đối ứng Trung ương: 60.960.415.000 đồng.

- Vốn đối ứng Viện KHTLVN: 357.000.000 đồng.

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

Phân chia nguồn vốn:

- Nguồn vốn vay JICA đầu tư cho chi phí tư vấn, xây dựng, thiết bị, một số chi phí khác.

- Nguồn vốn đối ứng Trung ương đầu tư cho một số công tác tư vấn, chi phí xây dựng, thiết bị, một số chi phí khác.

- Nguồn vốn đối ứng của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam đầu tư cho công tác khảo sát địa chất phục vụ điều chỉnh vị trí dự án (giai đoạn DADT).

Điều 2. Quyết định này thay thế mục B - Phụ lục I (phần thiết kế cơ sở của hợp phần 2) và điều chỉnh cơ cấu Phụ lục II-2 (phần kinh phí hợp phần 2) tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 1929/QĐ-BNN-TCTL ngày 14/8/2012 phê duyệt Dự án đầu tư; thay thế Quyết định số 2854/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/12/2013 phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở hợp phần 2 thuộc Dự án đầu tư Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ;

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi; Vụ trưởng các Vụ Hợp tác Quốc tế, Kế hoạch, Tài chính; Trưởng ban Ban Quản lý trung ương các dự án thủy lợi; Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT, TC;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Viện KHTL Việt Nam;
- Kho bạc NN trung ương;
- Kho bạc NN TP Hà Nội;
- Các Vụ: KH, TC, HTQT;
- Ban CPO;
- Lưu: VT, TCTL. (25)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

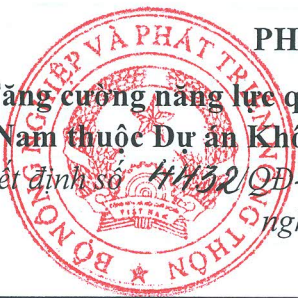


Hoàng Văn Thắng

PHỤ LỤC KINH PHÍ ĐẦU TƯ

HỢP PHẦN 2: Tăng cường năng lực quản lý thủy lợi và cơ sở đào tạo của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thuộc Dự án Khôi phục nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số *4432/QĐ-BNN-TCTL* ngày *16* tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Tổng	Vốn vay JICA	Vốn đối ứng	
				Trung ương	Viện KHTL Việt Nam
I	Chi phí xây dựng	213.148.177	193.771.070	19.377.107	0
1	Khu nhà làm việc và hội trường	49.179.455	44.708.595	4.470.860	
2	Khu thí nghiệm trong nhà	29.990.700	27.264.273	2.726.427	
3	Khu giảng đường	52.842.510	48.038.645	4.803.865	
4	Ký túc xá và nhà ăn	34.908.600	31.735.091	3.173.509	
5	Khu thí nghiệm ngoài trời	12.307.952	11.189.047	1.118.905	
6	Hệ thống scada	2.000.000	1.818.182	181.818	
7	Hạ tầng kỹ thuật	31.918.960	29.017.236	2.901.724	
II	Chi phí thiết bị	129.000.000	117.272.727	11.727.273	
III	Chi phí tư vấn	30.521.665	24.193.625	5.971.040	357.000
A	Giai đoạn đầu tư	2.533.539	0	2.176.539	357.000
1	Khảo sát và lập DAĐT	1.667.180		1.667.180	
2	Khảo sát địa chất cho vị trí mới	357.000			357.000
3	Chi phí lập điều chỉnh hồ sơ TKCS cho vị trí mới	312.000		312.000	
4	Chi phí thẩm tra dự án đầu tư	197.359		197.359	
B	Giai đoạn thực hiện TKBVTC	27.988.126	24.193.625	3.794.501	0
1	Chi phí tư vấn	26.612.988	24.193.625	2.419.363	
	<i>Chi phí Khảo sát + lập TKBVTC-DT+ Tư vấn hỗ trợ quản lý và thực hiện dự án, giám sát thi công xây dựng, giám sát môi trường và giám sát tái định cư</i>	26.612.988	24.193.625	2.419.363	
2	Chi phí thẩm tra TK BVTC	228.760		228.760	
3	Chi phí thẩm tra TK TDT	220.620		220.620	

tu

TT	Hạng mục	Tổng	Vốn vay JICA	Vốn đối ứng	
				Trung ương	Viện KHTL Việt Nam
4	Chi phí lập HSMT, PT đánh giá HS DT phân xây lắp và thiết bị	243.758		243.758	
5	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	297.000		297.000	
6	Chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	54.000		54.000	
7	Hạng mục khác	331.000		331.000	
IV	Chi phí quản lý dự án	5.433.947	0	5.433.947	0
1	Chi phí quản lý dự án (PMU Viện)	4.257.060		4.257.060	
2	Chi phí quản lý dự án (Ban CPO)	1.176.887		1.176.887	
V	Chi phí đào tạo	6.767.206	1.129.447	5.637.759	0
1	Đào tạo do CPO quản lý	1.242.392	1.129.447	112.945	
2	Đào tạo do Viện KHTL quản lý	5.524.814		5.524.814	
VI	Chi phí khác	3.129.448	0	3.129.448	0
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	37.500		37.500	
2	Thiết bị cho quản lý dự án: trang thiết bị văn phòng	499.640		499.640	
3	Kiểm toán hàng năm	400.000		400.000	
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	168.618		168.618	
5	Chi phí kiểm toán dự án hoàn thành	483.330		483.330	
6	Chi phí khác	1.540.360		1.540.360	
VII	Lãi trong thời gian xây dựng (1,4%/năm)	31.133.008	31.133.008		0
VIII	Chi phí dự phòng	76.409.380	66.725.538	9.683.842	0
	Dự phòng do khối lượng	17.873.939	15.608.662	2.265.277	
	Dự phòng do trượt giá	58.535.441	51.116.876	7.418.565	
	Phí cam kết (0,1 %* (I+II+III+V+VII+VIII))	4.330.960	4.330.960		0
	Tổng	499.873.791	438.556.376	60.960.415	357.000

tu